

**CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI VẬT TƯ, THIẾT BỊ, CÔNG NGHỆ ANH KHANG -
HÀ NỘI**

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI VẬT TƯ, THIẾT BỊ, CÔNG NGHỆ ANH KHANG - HÀ NỘI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ANH KHANG - HA NOI COMMERCIAL MATERIALS, EQUIPMENT, TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0106998701

3. Ngày thành lập: 17/09/2015

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Lô D4 khu Đồng Dưa, Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0463299116

Fax:

Email: anhkhanghanoi2015@gmail.com Website: m

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
2.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
3.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
4.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước cho phép)	0810
5.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu chi tiết: Khai thác mỏ và khai thác khoáng chất và nguyên liệu khác chưa được phân vào đâu như: + Nguyên liệu làm đá mài, đá quý, các khoáng chất, grafit tự nhiên, và các chất phụ gia khác... + Đá quý, bột thạch anh, mica...	0899
6.	In ấn	1811
7.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
8.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
9.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
10.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (không bao gồm kinh doanh bất động sản)	5210
11.	Bốc xếp hàng hóa	5224
12.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
13.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
14.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662

15.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
16.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu chi tiết: Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa;	4669
17.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh chi tiết: - Bán lẻ ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; - Bán lẻ thiết bị lắp đặt vệ sinh: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su...	4752
18.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
19.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
20.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
21.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
22.	Xây dựng nhà các loại	4100
23.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
24.	Xây dựng công trình công ích	4220
25.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác chi tiết: - Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như: + Các nhà máy lọc dầu, + Các xưởng hoá chất, - Xây dựng công trình cửa như: + Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống... + Đập và đê. - Xây dựng đường hầm ; - Các công việc xây dựng khác không phải nhà như: Các công trình thể thao ngoài trời.	4290
26.	Phá dỡ	4311
27.	Chuẩn bị mặt bằng	4312

28.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng ; - Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như : + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sáng, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí.	4329
29.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
30.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác chi tiết: Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác loại mới và loại đã qua sử dụng.	4511
31.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác chi tiết: Hoạt động bảo dưỡng và sửa chữa ô tô: Hoạt động bảo dưỡng và sửa chữa xe có động cơ khác:	4520
32.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác chi tiết: Bán buôn, bán lẻ và đại lý phụ tùng, các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác.	4530
33.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
34.	Đại lý, môi giới, đấu giá chi tiết: Đại lý, môi giới (không bao gồm môi giới, định giá, dịch vụ sàn giao dịch bất động sản, môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài)	4610
35.	Bán buôn thực phẩm	4632
36.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
37.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da; Bán buôn dụng cụ y tế; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn nhạc cụ, sản phẩm đồ chơi, sản phẩm trò chơi	4649
38.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
39.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652

40.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào nhóm nào, sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác.	4659
41.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
42.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (trừ mặt hàng Nhà nước cấm) (Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).	8299
43.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác chi tiết: - Cho thuê máy móc và thiết bị nông lâm nghiệp không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc và thiết bị văn phòng không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác chưa phân vào đâu được sử dụng như hàng hóa trong kinh doanh.	7730(Chính)
44.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước cho phép)	7830
45.	Đại lý du lịch	7911
46.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ
Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	PHẠM QUANG HUY	Tổ 9, Phường Kỳ Bá, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	10	151557554	
			Tổng số	50.000	500.000.000	10		
2	HOÀNG VĂN VIỆT	Phòng 2002 CT1 Ngõ Thì Nhậm, Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	225.000	2.250.000.000	45	017428697	
			Tổng số	225.000	2.250.000.000	45		
3	NGUYỄN ĐÌNH TÂN	P125-C5-Tập thể Vĩnh Hồ, Phường Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	225.000	2.250.000.000	45	013578312	
			Tổng số	225.000	2.250.000.000	45		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: PHẠM QUANG HUY

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Ngày sinh: 24/05/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 151557554

Ngày cấp: 25/10/2013

Nơi cấp: Công an tỉnh Thái Bình

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Tổ 9, Phường Kỳ Bá, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

P2108, Ct1, KĐT Văn Khê, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội